

BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỞNG CAO ĐẲNG CÔNG NGHIỆP VÀ THƯƠNG MẠI

THÔNG BÁO

Công khai thông tin cơ sở vật chất của cơ sở giáo dục thường xuyên, năm học 2023-2024

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Số phòng học	27	-
II	Loại phòng học		-
1	Phòng học kiên cố	27	-
2	Phòng học bán kiên cố	0	-
3	Phòng học tạm	0	-
4	Phòng học nhờ	0	-
5	Số phòng học bộ môn	6	
6	Số phòng học đa chức năng (có phương tiện nghe nhìn)	0	
7	Bình quân lớp/phòng học	1/3 phòng học	
8	Bình quân học sinh/lớp	35	
III	Số điểm trường	1	
IV	Tổng số diện tích đất (m ²)	57000	
V	Tổng diện tích sân chơi, bãi tập (m ²)	4000	
VI	Tổng diện tích các phòng		
1	Diện tích phòng học (m ²)	1657	
2	Diện tích phòng thí nghiệm (m ²)	160.2	
3	Diện tích thư viện (m ²)	0	
4	Diện tích phòng lao động sản xuất (m ²)	0	
5	Diện tích phòng thực hành (m ²)	360	
6	Diện tích xưởng sản xuất (m ²)	360	
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)		Số bộ/lớp
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định	10	
1.1	Khối lớp 10	10	1 bộ/1 lớp
1.2	Khối lớp 11	10	1 bộ/1 lớp



1.3	Khối lớp 12	10	1 bộ/1 lớp
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định	0	
2.1	Khối lớp 10	0	
2.2	Khối lớp 11	0	
2.3	Khối lớp 12	0	
3	Khu vườn sinh vật, vườn địa lý (diện tích/thiết bị)	0	
4	...		
VIII	Tổng số máy vi tính đang sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)	0	Số học sinh/bộ
IX	Tổng số thiết bị dùng chung khác		Số thiết bị/lớp
1	Ti vi	8	
2	Cát xét	0	
3	Đầu Video/đầu đĩa	0	
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	2	
5	Thiết bị khác...		
6			
	Nội dung	Số lượng (m ²)	
X	Nhà bếp	200	
XI	Nhà ăn	200	

	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m ²)	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ
XII	Phòng nghỉ cho học viên bán trú	62	500	3m2

XIII	Khu nội trú			
-------------	--------------------	--	--	--

XIV	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học viên		Số m²/học viên	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	7		10		0.5m ² /1 học viên
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*	0	0	0	0	0

(*Theo Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu- điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh).

	Nội dung	Có	Không
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	X	
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	X	
XVII	Kết nối internet	X	
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trung tâm	X	
XIX	Tường rào xây	X	

Sóc Sơn, ngày tháng 01 năm 2024

Chủ trưởng đơn vị *T*



Nguyễn Hải Bằng

